

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2008/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành Bản quy định về một số nhiệm vụ quản lý
dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng.

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14/02/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về: lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 215/TTr-SXD ngày 24/3/2008; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 28/BC-STP ngày 13/3/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bản quy định về một số nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 07/2007/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Bản quy định tạm thời về một số nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN QUY ĐỊNH VỀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2008/QĐ-UBND
ngày 31/3/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Bản quy định này quy định một số nội dung cơ bản về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp của cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp Nhà nước thuộc quyền quản lý của UBND tỉnh.

Riêng các dự án đầu tư xây dựng công trình bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất, về thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3610/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước kể cả các dự án thành phần, Nhà nước quản lý toàn bộ quá trình đầu tư xây dựng từ việc xác định kế hoạch chuẩn bị đầu tư, lập dự án, quyết định đầu tư cho đến khi nghiệm thu, bàn giao và đưa công trình vào khai thác sử dụng.

b) Đối với dự án của doanh nghiệp sử dụng vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước và vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp Nhà nước thì Nhà nước chỉ quản lý về chủ trương và quy mô đầu tư. Doanh nghiệp có dự án tự chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và quản lý dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh sử dụng nguồn vốn khác và không do tỉnh quản lý thì phải được UBND tỉnh thoả thuận các nội dung về sự phù hợp với quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, quy mô, mục tiêu đầu tư, an ninh quốc phòng, môi trường và các nội dung liên quan khác trước khi quyết định đầu tư.

UBND tỉnh quản lý các dự án trên thông qua việc đăng ký kinh doanh, thẩm định thiết kế cơ sở và cấp giấy phép xây dựng.

d) Đối với các dự án có sử dụng vốn tài trợ của nước ngoài:

Đối với những dự án không có quy định riêng về quản lý dự án khi cam kết với Nhà tài trợ thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp dự án có những điều khoản đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thoả thuận với Nhà tài trợ khác với quy định này thì thực hiện theo các điều khoản đã cam kết với Nhà tài trợ.

e) Những dự án đầu tư không xây dựng công trình như: mua sắm tài sản, thiết bị, máy móc và các sản phẩm khoa học công nghệ không thuộc đối tượng áp dụng của Bản quy định này thì việc triển khai thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng công trình

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với tất cả các tổ chức và cá nhân thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật, theo phân cấp của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

UBND tỉnh thực hiện phân cấp hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn quyết định đầu tư và phê duyệt các thủ tục về đầu tư xây dựng theo quy định tại Bản quy định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính dự kiến phân bổ vốn đầu tư hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt;

- Là đầu mối tổ chức thẩm định các dự án sử dụng vốn Nhà nước do UBND tỉnh quản lý và trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định đầu tư;

- Tổ chức thẩm định kế hoạch đấu thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu để trình người có thẩm quyền phê duyệt đối với các dự án thuộc vốn ngân sách Nhà nước do UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư;

- Là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư của tỉnh theo quy định hiện hành đối với các cấp, các đơn vị và các dự án được UBND tỉnh phân cấp hoặc ủy quyền cho cấp dưới;

- Chủ trì, phối hợp đánh giá tình hình thực hiện đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Xây dựng

- Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về xây dựng, nghiên cứu các cơ chế chính sách về quản lý xây dựng, quy hoạch xây dựng đô thị và điểm dân cư nông thôn trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định;

- Giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh; theo dõi, kiểm tra, phát hiện, xử lý và kiến nghị xử lý về chất lượng các công trình xây dựng;

- Tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và các dự án đầu tư xây dựng công trình khác do Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu;

- Thực hiện cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng được Chủ tịch UBND tỉnh uỷ quyền;

- Kiểm tra, thanh tra hoạt động hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư hoạt động xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

- Chủ trì phối hợp cùng với các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố hướng dẫn về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo các quy định hiện hành. Thực hiện kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và quản lý sử dụng nhà theo quy định hiện hành;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổ chức việc công bố giá vật liệu xây dựng hàng tháng để các Chủ đầu tư và đơn vị liên quan tham khảo, vận dụng hoặc áp dụng bù giá vật liệu cho các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

4. Các Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

- Tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc chuyên ngành;

Đối với dự án bao gồm nhiều loại công trình khác nhau thì Sở chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở là Sở có chức năng quản lý loại công trình quyết định tính chất, mục tiêu của dự án. Sở chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và cơ quan liên quan để thẩm định thiết kế cơ sở.

- Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng; theo dõi, kiểm tra, phát hiện và kiến nghị xử lý về chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành thuộc lĩnh vực Sở phụ trách.

5. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc cân đối nguồn vốn đầu tư và đề xuất các giải pháp huy động các nguồn vốn khác đầu tư trên địa bàn tỉnh, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư XDCB các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước hằng năm trên địa bàn tỉnh;

- Tổ chức, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc thẩm định phương án bồi thường theo quy định; phối hợp với Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng hàng tháng để các Chủ đầu tư và đơn vị liên quan tham khảo, vận dụng hoặc áp dụng bù giá vật liệu cho các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh;

- Thanh tra, kiểm tra tài chính đối với dự án của các tổ chức, đơn vị sử dụng nguồn vốn đầu tư của Nhà nước;

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn Nhà nước và các nguồn vốn khác do tỉnh quản lý theo phân

cấp.

6. Kho bạc Nhà nước

- Tổ chức công tác kiểm soát, thanh toán vốn theo quy trình nghiệp vụ thống nhất, đảm bảo quản lý vốn chặt chẽ; đồng thời phải thuận tiện cho chủ đầu tư;

- Căn cứ vào kế hoạch vốn do UBND tỉnh giao và cơ cấu vốn đầu tư trong dự toán đã được phê duyệt để tạm ứng, thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành của công trình, dự án theo tiến độ, thời gian theo quy định kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

- Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thanh toán vốn đầu tư xây dựng;

- Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu, xác nhận vốn đầu tư đã thanh toán đối với các dự án trong phạm vi quản lý; có nhận xét, đánh giá, kiến nghị với cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư về quá trình đầu tư của dự án.

7. Các Sở, ngành và cơ quan có liên quan (về đất đai, tài nguyên, môi trường, công nghệ, sinh học, bưu chính viễn thông, bảo tồn, bảo tàng di tích, di sản văn hóa, quốc phòng, an ninh, phòng cháy và chữa cháy ...):

Có trách nhiệm xem xét, thẩm định hoặc có ý kiến bằng văn bản về các vấn đề có liên quan của dự án đầu tư xây dựng công trình trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan có chức năng thẩm định. Sau thời gian quy định trên, nếu không có ý kiến trả lời thì được xem như đã thống nhất với ý kiến đề nghị của cơ quan có chức năng thẩm định và chịu trách nhiệm các vấn đề liên quan đến dự án về các nội dung được đề nghị có ý kiến.

8. UBND các huyện, thành phố

UBND các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, quyền hạn, thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với tất cả các tổ chức và cá nhân thực hiện dự án đầu tư tại địa phương mình; quản lý dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định đầu tư hoặc được uỷ quyền quyết định đầu tư; cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật.

9. UBND các xã, phường, thị trấn

UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm quản lý các dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn quyết định đầu tư.

Điều 4. Chủ đầu tư

1. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

a) Chủ đầu tư xây dựng công trình là đơn vị quản lý, sử dụng công trình. Trường hợp đơn vị quản lý, sử dụng công trình không đủ điều kiện làm chủ đầu tư thì đơn vị

cấp trên trực tiếp làm chủ đầu tư.

Đơn vị sẽ quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm cử người tham gia với chủ đầu tư để quản lý đầu tư xây dựng công trình và tiếp nhận quản lý, sử dụng khi công trình hoàn thành.

b) Trường hợp chưa xác định được đơn vị quản lý, sử dụng công trình thì người quyết định đầu tư lựa chọn đơn vị có đủ điều kiện làm chủ đầu tư.

c) Chủ đầu tư xây dựng công trình được người quyết định đầu tư quyết định khi giao kế hoạch chuẩn bị đầu tư hàng năm.

2. Các dự án sử dụng vốn tín dụng thì người vay vốn là chủ đầu tư.

3. Đối với các dự án sử dụng vốn hỗn hợp thì chủ đầu tư do các thành viên góp vốn thoả thuận cử ra hoặc là người có tỷ lệ góp vốn cao nhất.

4. Các dự án sử dụng vốn khác thì chủ đầu tư là chủ sở hữu vốn hoặc là người đại diện theo quy định của pháp luật.

5. Chủ đầu tư quyết định cho phép các Ban Quản lý dự án do mình thành lập được quản lý dự án cho các Chủ đầu tư khác, phù hợp với năng lực và chức năng nhiệm vụ.

Điều 5. Các hình thức quản lý dự án

1. Căn cứ vào điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân, yêu cầu của dự án, người quyết định đầu tư xây dựng công trình quyết định lựa chọn một trong các hình thức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sau đây:

a) Thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án khi Chủ đầu tư xây dựng công trình không đủ điều kiện năng lực theo quy định.

b) Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án khi Chủ đầu tư xây dựng công trình có đủ điều kiện, năng lực về quản lý dự án theo quy định.

2. Trường hợp chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án thì chủ đầu tư phải thành lập Ban quản lý dự án. Ban quản lý dự án là đơn vị trực thuộc chủ đầu tư, có tư cách pháp nhân hoặc sử dụng tư cách pháp nhân của Chủ đầu tư để thực hiện quản lý dự án. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án do chủ đầu tư giao. Ban Quản lý dự án được phép đồng thời quản lý một số dự án của cùng một Chủ đầu tư trên cơ sở đủ năng lực và chức năng nhiệm vụ do Chủ đầu tư tự quyết định.

Cơ cấu tổ chức của Ban quản lý dự án gồm có giám đốc, các phó giám đốc, các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ; những người tham gia Ban quản lý dự án có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Giám đốc, các phó giám đốc và những người phụ trách về kỹ thuật, kinh tế, tài chính phải có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực phụ trách và có kinh nghiệm làm việc chuyên môn tối thiểu 3 năm. Riêng đối với các dự án nhóm C ở vùng sâu, vùng xa thì các chức danh nêu trên có thể giao cho những người có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp thuộc các chuyên ngành phù hợp.

Đối với những dự án quy mô nhỏ, đơn giản có tổng mức đầu tư dưới 1 tỷ đồng thì chủ đầu tư có thể không thành lập Ban quản lý dự án mà sử dụng các đơn vị chuyên môn của mình để quản lý dự án; trường hợp cần thiết có thể thuê người có chuyên môn, kinh nghiệm để giúp quản lý dự án.

3. Trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án thì nhà thầu tư vấn phải thành lập một tổ chức để trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án theo hợp đồng đã ký với chủ đầu tư. Cơ cấu, thành phần của tổ chức này gồm có giám đốc tư vấn quản lý dự án, các phó giám đốc và các bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn theo hợp đồng mà nhà thầu tư vấn đã ký với chủ đầu tư.

Giám đốc tư vấn quản lý dự án phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định tại khoản 1 Điều 55 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP. Các phó giám đốc và những người phụ trách chuyên môn, nghiệp vụ phải có trình độ đại học thuộc các chuyên ngành phù hợp và có thời gian làm việc chuyên môn tối thiểu 3 năm.

Nhà thầu tư vấn quản lý dự án được thuê tổ chức, cá nhân tư vấn tham gia một số phần việc quản lý dự án, nhưng phải được chủ đầu tư chấp thuận và phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn trong hợp đồng đã ký với chủ đầu tư.

Điều 6. Trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

Chủ đầu tư có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về xây dựng kể từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng. Đối với những nhiệm vụ, quyền hạn mà chủ đầu tư đã giao cho Ban quản lý dự án (theo quyết định thành lập Ban quản lý dự án) hoặc Tư vấn quản lý dự án (theo hợp đồng đã ký kết với nhà thầu tư vấn quản lý dự án) thì chủ đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn đó, đảm bảo dự án được thực hiện đúng nội dung và tiến độ đã được phê duyệt. Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện về những công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật, kể cả những công việc đã giao cho Ban quản lý dự án hoặc nhà thầu tư vấn quản lý dự án.

Điều 7. Điều kiện năng lực của các tổ chức tư vấn thiết kế xây dựng công trình, tư vấn giám sát và tổ chức thi công xây dựng công trình

Điều kiện năng lực của các tổ chức tư vấn thiết kế xây dựng công trình, tư vấn giám sát, tổ chức thi công xây dựng công trình phải phù hợp theo Điều 61, 62, 64 Nghị định số 16/2005/NĐ-CP.

Chương II

QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Mục 1. KẾ HOẠCH HÓA ĐẦU TƯ

Điều 8. Nguyên tắc bố trí kế hoạch vốn ngân sách hàng năm

1. Các dự án đầu tư được ghi kế hoạch chuẩn bị đầu tư phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng.

2. Việc phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản phải đảm bảo yêu cầu ưu tiên, như sau:

- Hoàn trả đủ các khoản ngân sách tạm ứng, vay nợ, đã ứng trước dự toán năm sau;

- Bố trí vốn đối ứng cho các công trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn đầu tư nước ngoài;

- Bố trí vốn thanh toán nợ khối lượng xây dựng cơ bản đã quyết toán và những dự án chuyển tiếp;

- Phần còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới.

3. Các dự án, tiểu dự án được ghi kế hoạch vốn thực hiện đầu tư, Chủ đầu tư phải hoàn thành việc phê duyệt dự án, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán chậm nhất là ngày 30/10 của năm trước năm kế hoạch.

4. Trong quá trình điều hành kế hoạch, UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố xem xét khả năng thực hiện dự án của các Chủ đầu tư để điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư vào đầu tháng 7 và cuối tháng 12 hàng năm. Đối với những dự án không có khả năng thực hiện hết vốn trong năm kế hoạch, Chủ đầu tư phải có giải trình về việc giảm vốn trước ngày 15/12 của năm để UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố chủ động điều hành. Trường hợp Chủ đầu tư không báo cáo giải trình để thừa vốn trong năm kế hoạch thì Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm trước người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

Mục 2. CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

Điều 9. Công tác chuẩn bị đầu tư

1. Căn cứ các loại quy hoạch đã được phê duyệt; các ngành, các địa phương xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm kèm theo danh mục dự án và được xác định theo thứ tự ưu tiên với yêu cầu thông tin về từng dự án cụ thể theo quy định tại khoản 3 điều này, báo cáo cấp quyết định đầu tư đồng thời gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố đối với các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách huyện, thành phố vào cuối tháng 6 năm trước của năm kế hoạch.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố có trách nhiệm tổng hợp, dự kiến kế hoạch chuẩn bị đầu tư các dự án trên địa bàn thuộc tỉnh, huyện, thành phố quản lý, trình UBND cùng cấp quyết định cùng lúc với việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước hàng năm.

3. Nội dung kế hoạch chuẩn bị đầu tư của mỗi dự án gồm: Tên dự án, chủ đầu tư, sự cần thiết phải đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm xây dựng, khái toán tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư, hình thức quản lý dự án, thời gian thực hiện.

4. Căn cứ kế hoạch chuẩn bị đầu tư các dự án được cấp thẩm quyền quyết định (kế hoạch này chính là chủ trương đầu tư), chủ đầu tư tiến hành ngay việc lập, phê duyệt đề cương nhiệm vụ, khảo sát lập dự án và dự toán chuẩn bị đầu tư; trên cơ sở đó tổ chức chọn đơn vị tư vấn theo quy định để lập dự án đầu tư (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật) đồng thời với việc tiến hành các thủ tục về thu hồi, giao đất; lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bắt đầu từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, thống nhất bãi bỏ khâu chủ trương đầu tư và cấp địa điểm đầu tư trong quá trình đầu tư xây dựng).

Điều 10. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình

1. Khi đầu tư xây dựng các công trình sau đây, chủ đầu tư không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà chỉ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình để trình người quyết định đầu tư phê duyệt:

a) Công trình xây dựng cho mục đích tôn giáo;

b) Các công trình xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp có tổng mức đầu tư dưới 7 tỷ đồng, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng; trừ trường hợp người quyết định đầu tư thấy cần thiết và yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

2. Chủ đầu tư lập hoặc thuê tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình (sau đây gọi tắt là Báo cáo kinh tế - kỹ thuật). Nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được lập theo quy định tại khoản 4 Điều 35 của Luật Xây dựng.

3. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình, trường hợp cần thiết thì có thể thuê tư vấn thẩm tra để làm cơ sở cho việc thẩm định. Đối với công trình có liên quan đến môi trường; phòng, chống cháy, nổ; an ninh, quốc phòng thì khi thẩm định thiết kế bản vẽ thi công phải lấy ý kiến của các cơ quan quản lý về những lĩnh vực này.

4. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ tới đơn vị đầu mối thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật để tổ chức thẩm định trước khi trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

Đơn vị đầu mối có trách nhiệm gửi hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tới các đơn vị chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư lấy ý kiến về các nội dung có liên quan để thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Sau khi Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được người có thẩm quyền phê duyệt; thiết kế bản vẽ thi công phải được chủ đầu tư đóng dấu xác nhận trước khi đưa ra thi công.

Điều 11. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Khi đầu tư xây dựng công trình, chủ đầu tư phải tổ chức lập dự án để làm rõ về sự cần thiết phải đầu tư và hiệu quả đầu tư xây dựng công trình trừ những công trình lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tại khoản 1 Điều 10 của Bản quy định này và các công trình xây dựng là nhà ở riêng lẻ của dân quy định tại khoản 5 Điều 35 của Luật Xây dựng.

2. Nội dung lập dự án gồm phần thuyết minh dự án quy định tại Điều 6 Nghị

định 16/2005/NĐ-CP và phân thiết kế cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 112/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Trường hợp đặc biệt, đối với các dự án chưa có trong quy hoạch kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng thì trước khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình, chủ đầu tư phải báo cáo cơ quan quản lý quy hoạch để trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận bằng văn bản cho phép bổ sung quy hoạch.

Điều 12. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình bao gồm thẩm định phần thuyết minh, thẩm định tổng mức đầu tư và thẩm định thiết kế cơ sở của dự án.

Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định dự án trước khi phê duyệt. Đơn vị đầu mối thẩm định dự án là đơn vị chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 112/2006/NĐ-CP. Đơn vị đầu mối thẩm định dự án có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ dự án của chủ đầu tư và gửi tới các cơ quan liên quan để lấy ý kiến, đồng thời gửi hồ sơ dự án để lấy ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở của cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở tại khoản 5 Điều này.

2. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

- UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm định dự án do mình quyết định đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổ chức thẩm định dự án.

- UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức thẩm định dự án do mình quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư. Đầu mối thẩm định dự án là đơn vị có chức năng quản lý kế hoạch ngân sách trực thuộc người quyết định đầu tư.

3. Đối với dự án khác, sau khi có văn bản Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của các cơ quan có thẩm quyền thì người quyết định đầu tư tự tổ chức thẩm định dự án.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình đặc thù thì việc thẩm định dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ.

5. Thẩm định thiết kế cơ sở:

a) Đối với dự án nhóm A, không phân biệt nguồn vốn: Chủ đầu tư lập tờ trình, gửi UBND tỉnh để trình Bộ, ngành Trung ương thẩm định.

b) Đối với các dự án nhóm B, C, không phân biệt nguồn vốn, (trừ các dự án nhóm B, C quy định tại điểm 6.c và 6.d khoản 5 Điều 1 Nghị định số 112/2006/NĐ-CP), việc thẩm định thiết kế cơ sở được thực hiện như sau:

- Sở Công nghiệp tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, chế tạo máy, luyện kim và các công trình công nghiệp chuyên ngành;

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, đê điều;

- Sở Giao thông vận tải tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông;

- Sở Xây dựng tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị và các dự án đầu tư xây dựng công trình khác do Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị thì Sở Xây dựng chủ trì, có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và cơ quan liên quan để thẩm định thiết kế cơ sở.

- Đối với dự án bao gồm nhiều loại công trình khác nhau thì Sở chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở là một trong các Sở nêu trên có chức năng quản lý loại công trình quyết định tính chất, mục tiêu của dự án. Sở chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và cơ quan liên quan để thẩm định thiết kế cơ sở.

Các Sở, ngành quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ, khoa học và công nghệ, bưu chính viễn thông,... có trách nhiệm tham gia ý kiến về các nội dung liên quan của dự án theo chức năng quản lý của ngành mình khi có yêu cầu của cơ quan đầu mối thẩm định thiết kế cơ sở.

6. Cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm gửi kết quả thẩm định thiết kế cơ sở tới đơn vị đầu mối thẩm định dự án. Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở không quá 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm A, 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 10 ngày làm việc với dự án nhóm C, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 13. Nội dung thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Nội dung thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình của người quyết định đầu tư:

a) Xem xét các yếu tố đảm bảo tính hiệu quả của dự án, bao gồm: sự cần thiết đầu tư; các yếu tố đầu vào của dự án; quy mô, công suất, công nghệ, thời gian, tiến độ thực hiện dự án; phân tích tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

b) Xem xét các yếu tố đảm bảo tính khả thi của dự án, bao gồm: sự phù hợp với quy hoạch; nhu cầu sử dụng đất, tài nguyên (nếu có); khả năng giải phóng mặt bằng, khả năng huy động vốn đáp ứng tiến độ của dự án; kinh nghiệm quản lý của chủ đầu tư; kết quả thẩm định thiết kế cơ sở; khả năng hoàn trả vốn vay; giải pháp phòng, chống cháy nổ; các yếu tố ảnh hưởng đến dự án như quốc phòng, an ninh, môi trường trên cơ sở ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Thẩm định tổng mức đầu tư thực hiện theo khoản 4 Điều 15 của Bản quy định này.

2. Nội dung thẩm định thiết kế cơ sở của cơ quan có thẩm quyền:

a) Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng; sự kết nối với các công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào;

b) Việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ;

c) Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn, năng lực hành nghề của cá nhân lập thiết kế cơ sở theo quy định.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng công trình

1. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư các dự án nhóm A, B, C; trừ những dự án được phân cấp, ủy quyền theo quy định dưới đây:

Phân cấp:

a) Chủ tịch UBND tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định đầu tư các dự án thuộc ngân sách huyện, thành phố sau khi thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp đối với các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật có tổng mức vốn đầu tư từ 05 tỷ đồng trở xuống.

b) Chủ tịch UBND tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn được quyết định đầu tư các dự án thuộc ngân sách xã, phường, thị trấn sau khi thông qua HĐND cùng cấp đối với các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật có tổng mức vốn đầu tư từ 01 tỷ đồng trở xuống.

Ủy quyền:

a) Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư đối với các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật có tổng mức vốn đầu tư từ 05 tỷ đồng trở xuống thuộc vốn tỉnh quản lý, trên cơ sở kế hoạch chuẩn bị đầu tư hàng năm được UBND tỉnh giao cho các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh.

b) Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định đầu tư đối với các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh có tổng mức đầu tư tương ứng theo phân cấp tại điểm a Điều này trên cơ sở kế hoạch chuẩn bị đầu tư hàng năm được UBND tỉnh giao cho huyện, thành phố.

2. Đối với các dự án sử dụng vốn khác, vốn hỗn hợp có ngân sách hỗ trợ với tỷ lệ thấp hơn các nguồn vốn khác thì Chủ đầu tư gửi văn bản đến cơ quan đầu mối thẩm định dự án để thẩm tra trình cấp có thẩm quyền thoả thuận trước khi quyết định đầu tư. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình (đối với những dự án có tổng mức đầu tư theo mức vốn đã phân cấp, ủy quyền, nếu thuộc ngân sách huyện, thành phố hỗ trợ thì UBND huyện, thành phố thoả thuận).

3. Đối với các dự án sử dụng vốn tín dụng, ngoài văn bản thẩm định thiết kế cơ sở còn phải có văn bản thẩm định phương án tài chính và phương án trả nợ của tổ chức cho vay vốn trước khi trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

Điều 15. Tổng mức đầu tư xây dựng công trình

1. Tổng mức đầu tư xây dựng công trình là chi phí dự tính của dự án được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 99/2007/NĐ-CP của Chính phủ. Tổng mức đầu tư là cơ sở để chủ đầu tư lập kế hoạch và quản lý vốn khi thực hiện đầu tư xây dựng công trình. Tổng mức đầu tư xây dựng công trình phải được tính đúng, tính đủ và phù hợp độ dài thời gian xây dựng công trình. Tổng mức đầu tư là chi phí tối đa mà chủ đầu tư được phép sử dụng để đầu tư xây dựng công trình. Chi phí bồi thường được xác lập trong phương án tổng thể bồi thường GPMB và đưa vào tổng mức đầu tư của dự án khi thẩm định, phê duyệt.

2. Tổng mức đầu tư bao gồm: chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng.

3. Các chi phí của tổng mức đầu tư được quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định 99/2007/NĐ-CP.

4. Thẩm định tổng mức đầu tư:

- Nội dung thẩm định tổng mức đầu tư theo khoản 1 Điều 6 Nghị định số 99/2007/NĐ-CP.

- Thẩm quyền thẩm định tổng mức đầu tư là đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định dự án theo khoản 2 Điều 12 Bản quy định này. Đơn vị thẩm định tổng mức đầu tư có thể thuê các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm để thẩm tra. Lệ phí thẩm định hoặc chi phí thẩm tra được tính vào chi phí khác trong tổng mức đầu tư. Các tổ chức, cá nhân thực hiện việc thẩm định, thẩm tra tổng mức đầu tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lý, chính xác của kết quả thẩm định, thẩm tra (riêng phương án bồi thường chỉ ở mức khái toán).

- Tổng mức đầu tư được ghi trong quyết định đầu tư do người quyết định đầu tư phê duyệt.

5. Điều chỉnh tổng mức đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư đã được phê duyệt chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

a.1) Xuất hiện các yếu tố bất khả kháng: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh và có tác động trực tiếp đến công trình xây dựng;

a.2) Khi quy hoạch đã phê duyệt được điều chỉnh có ảnh hưởng trực tiếp tới tổng mức đầu tư xây dựng công trình;

a.3) Do người quyết định đầu tư thay đổi, điều chỉnh quy mô công trình khi thấy xuất hiện các yếu tố mới đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn.

b) Thẩm quyền điều chỉnh tổng mức đầu tư:

b.1) Đối với các công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước thì chủ

đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư cho phép trước khi thực hiện điều chỉnh tổng mức đầu tư. Sau khi có ý kiến cho phép, Chủ đầu tư phải hoàn chỉnh các thủ tục đề trình người quyết định đầu tư phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư theo quy định hiện hành.

b.2) Đối với các công trình xây dựng sử dụng nguồn vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn đầu tư khác của Nhà nước thì chủ đầu tư tự quyết định và chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh tổng mức đầu tư.

c) Phân tổng mức đầu tư điều chỉnh thay đổi so với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt phải được tổ chức thẩm định theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP.

Điều 16. Thẩm định và phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư

Giao cho chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư theo quy định hiện hành.

Điều 17. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị ảnh hưởng bởi thiên tai như động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần; dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;

b) Xuất hiện các yếu tố đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án;

c) Khi quy hoạch xây dựng thay đổi trực tiếp ảnh hưởng đến địa điểm, quy mô, tính chất, mục tiêu của dự án.

2. Khi điều chỉnh dự án không làm thay đổi quy mô, mục tiêu đầu tư và không vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư được phép tự điều chỉnh dự án. Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi thiết kế cơ sở về kiến trúc, quy hoạch, quy mô, mục tiêu đầu tư ban đầu hoặc vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư phải trình người quyết định đầu tư xem xét, quyết định. Những nội dung thay đổi phải được thẩm định lại.

3. Người quyết định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Mục 3. THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

Điều 18. Tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Sau khi dự án được ghi kế hoạch chuẩn bị đầu tư của cấp thẩm quyền và căn cứ kết quả thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công (đối với dự án

chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật); Chủ đầu tư phải hoàn chỉnh thủ tục thu hồi đất, giao đất; đồng thời tiến hành lập ngay phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư. Đối với các dự án quan trọng, dự án cấp bách, các dự án trong đô thị, trước khi khởi công phải cơ bản hoàn thành trên 60% công tác giải phóng mặt bằng đối với diện tích xây dựng công trình.

2. Chủ đầu tư và chính quyền địa phương có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong việc thu hồi đất, giao đất và tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với tất cả các công trình trên địa bàn.

3. Hội đồng thẩm định phương án bồi thường của tỉnh, Hội đồng bồi thường của huyện, thành phố phải thực hiện nghiêm túc quy định của UBND tỉnh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

4. Ngoài ra, tùy tình hình thực tế của từng dự án mà UBND tỉnh có chủ trương thực hiện riêng cho phù hợp.

Điều 19. Các bước thiết kế xây dựng công trình

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình có thể gồm một hoặc nhiều loại công trình với một hoặc nhiều cấp công trình khác nhau theo quy định tại Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Tùy theo quy mô, tính chất của công trình xây dựng, việc thiết kế xây dựng công trình có thể được thực hiện theo một bước, hai bước hoặc ba bước như sau:

a) Thiết kế một bước là thiết kế bản vẽ thi công áp dụng đối với công trình chỉ lập Báo cáo kinh tế- kỹ thuật xây dựng công trình được quy định tại khoản 1 Điều 10 của Bản quy định này;

b) Thiết kế hai bước bao gồm bước thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công áp dụng đối với công trình quy định phải lập dự án trừ các công trình được quy định tại điểm c, khoản 1, điều này;

c) Thiết kế ba bước bao gồm bước thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công áp dụng đối với công trình quy định phải lập dự án và có quy mô là cấp đặc biệt, cấp I và công trình cấp II có kỹ thuật phức tạp do người quyết định đầu tư quyết định.

Trường hợp thực hiện thiết kế hai bước hoặc ba bước thì các bước thiết kế tiếp theo phải phù hợp với bước thiết kế trước đã được phê duyệt.

2. Đối với những công trình đơn giản như hàng rào, lớp học, trường học, nhà ở thì có thể sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để triển khai thiết kế bản vẽ thi công.

3. Thiết kế xây dựng phải tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và phải được thể hiện trên các bản vẽ theo quy

định. Thiết kế phải thể hiện được các khối lượng công tác xây dựng chủ yếu để làm cơ sở xác định chi phí xây dựng công trình.

Điều 20. Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Thẩm định, phê duyệt:

a) Chủ đầu tư tự tổ chức việc thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán đối với những công trình xây dựng phải lập dự án;

b) Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của hạng mục, công trình đối với công trình xây dựng phải lập dự án trước khi đưa ra thi công phải được thẩm định, phê duyệt.

2. Nội dung thẩm định thiết kế:

a) Sự phù hợp với các bước thiết kế trước đã được phê duyệt;

b) Sự tuân thủ các tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;

c) Đánh giá mức độ an toàn công trình;

d) Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ, nếu có;

đ) Bảo vệ môi trường; phòng, chống cháy, nổ.

3. Thẩm tra, phê duyệt dự toán công trình:

a) Chủ đầu tư tổ chức việc thẩm tra dự toán công trình trước khi phê duyệt. Nội dung thẩm tra bao gồm:

- Kiểm tra sự phù hợp giữa khối lượng dự toán chủ yếu với khối lượng thiết kế;

- Kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các khoản mục chi phí khác trong dự toán công trình;

- Xác định giá trị dự toán công trình.

b) Trường hợp chủ đầu tư không đủ điều kiện, năng lực thẩm tra thì được phép thuê tổ chức, cá nhân đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm để thẩm tra dự toán công trình. Tổ chức, cá nhân tư vấn thẩm tra dự toán công trình chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về kết quả thẩm tra.

c) Chủ đầu tư phê duyệt dự toán công trình sau khi đã thẩm tra và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả phê duyệt dự toán công trình. Dự toán công trình được phê duyệt là cơ sở để xác định giá gói thầu, giá thành xây dựng và là căn cứ để đàm phán ký kết hợp đồng, thanh toán với nhà thầu trong trường hợp chỉ định thầu.

d) Công trình hoặc hạng mục công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước khi khởi công xây dựng phải có thiết kế, dự toán được phê duyệt (đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật thì phải có thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư đóng dấu xác nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Bản quy định này).

Điều 21. Nội dung dự toán xây dựng công trình

1. Dự toán xây dựng công trình (sau đây gọi là dự toán công trình) được xác định theo công trình xây dựng cụ thể và là căn cứ để chủ đầu tư quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

2. Dự toán công trình được lập căn cứ trên cơ sở khối lượng các công việc xác định theo thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, nhiệm vụ công việc phải thực hiện của công trình và đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tính theo tỷ lệ phần trăm (%) (định mức tỷ lệ) cần thiết để thực hiện khối lượng, nhiệm vụ công việc đó.

3. Nội dung dự toán công trình bao gồm: chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng.

4. Đối với công trình quy mô nhỏ chỉ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thì tổng mức đầu tư đồng thời là dự toán công trình.

5. Đối với dự án có nhiều công trình, chủ đầu tư có thể xác định tổng dự toán của dự án để phục vụ cho việc quản lý dự án. Tổng dự toán của dự án được xác định bằng cách cộng các dự toán của các công trình thuộc dự án.

Điều 22. Thay đổi thiết kế xây dựng công trình, điều chỉnh dự toán công trình

1. Thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt chỉ được phép thay đổi theo quy định tại Điều 17 Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ.

2. Điều chỉnh dự toán công trình:

a) Dự toán công trình được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

a.1) Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP;

a.2) Các trường hợp được phép thay đổi, bổ sung thiết kế không trái với thiết kế cơ sở hoặc thay đổi cơ cấu chi phí trong dự toán nhưng không vượt dự toán công trình đã được phê duyệt, kể cả chi phí dự phòng.

b) Chủ đầu tư tổ chức thẩm tra, phê duyệt dự toán công trình điều chỉnh.

Điều 23. Công tác đấu thầu, chỉ định thầu đối với dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước hoặc có phần vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ

1. Điều kiện tổ chức đấu thầu:

a) Các dự án, gói thầu được UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn giao kế hoạch thực hiện đầu tư hàng năm, đồng thời phải hoàn thành cơ bản trên 60% công tác giải phóng mặt bằng đối với diện tích xây dựng của gói thầu.

b) Những gói thầu thực hiện khác với quy định trên phải được UBND tỉnh cho phép thực hiện theo cơ chế riêng.

2. Kế hoạch đấu thầu:

a) Kế hoạch đấu thầu phải được người có thẩm quyền phê duyệt sau khi quyết định đầu tư hoặc phê duyệt đồng thời với quyết định đầu tư.

b) Các căn cứ lập kế hoạch đấu thầu, nội dung của từng gói thầu trong kế hoạch đấu thầu và trình duyệt kế hoạch đấu thầu theo quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ.

3. Giá gói thầu:

Giá gói thầu là giá trị của gói thầu được xác định trong kế hoạch đấu thầu trên cơ sở tổng mức đầu tư hoặc dự toán được duyệt và các quy định hiện hành.

4. Hình thức lựa chọn Nhà thầu:

Việc lựa chọn Nhà thầu thực hiện theo Điều 18, 19, 20, 21, 22, 23 và 24 của Luật Đấu thầu.

5. Trình tự thực hiện đấu thầu:

Thực hiện theo Điều 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42 của Luật Đấu thầu.

6. Hình thức hợp đồng và điều chỉnh hợp đồng:

a) Hình thức hợp đồng: Tùy theo tính chất của từng gói thầu để lựa chọn hình thức hợp đồng phù hợp với Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành.

b) Điều chỉnh hợp đồng:

Thực hiện theo Điều 57 của Luật Đấu thầu và phù hợp với quy định tại Điều 17 và Điều 22 của Bản quy định này.

7. Thẩm quyền thẩm định và phê duyệt trong công tác đấu thầu:

a) Phân cấp:

- Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức thẩm định và phê duyệt các bước trong quá trình tổ chức đấu thầu đối với các dự án có mức vốn lớn hơn 05 tỷ đồng và các dự án được Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương uỷ quyền.

- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổ chức thẩm định và phê duyệt các bước trong quá trình tổ chức đấu thầu đối với các dự án do mình quyết định đầu tư hoặc được phân cấp quyết định đầu tư tại Điều 14 Bản quy định này và các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

Uỷ quyền:

Chủ tịch UBND tỉnh uỷ quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố phê duyệt các bước trong quá trình tổ chức đấu thầu đối với các dự án đã được uỷ quyền quyết định đầu tư tại Điều 14 Bản quy định này.

b) Thẩm định các bước trong đấu thầu:

- Kế hoạch đấu thầu:

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch đấu thầu đối với các dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư.

+ Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố thẩm định kế hoạch đấu thầu đối với các dự án do UBND các huyện, thành phố quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư và các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Hồ sơ mời thầu:

+ Thẩm định hồ sơ mời thầu của các gói thầu thuộc dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư, được thực hiện như sau:

* Các Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành: tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu các gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành.

* Các Sở có chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành: tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu đối với các gói thầu mua sắm hàng hoá (phi công trình) thuộc chuyên ngành.

* Đối với gói thầu bao gồm nhiều hạng mục công trình thuộc các chuyên ngành khác nhau thì giao cho Sở chuyên ngành có hạng mục công trình chiếm tỷ trọng lớn nhất trong hồ sơ mời thầu thẩm định.

+ Việc tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu các gói thầu thuộc dự án do UBND các huyện, thành phố quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư và các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn; giao Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định chọn phòng chức năng phù hợp để thẩm định.

Ủy quyền:

Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ mời thầu đối với các gói thầu thuộc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt tại Điều 14 Bản quy định này.

- Kết quả lựa chọn nhà thầu:

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư.

+ Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do UBND các huyện, thành phố quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư và các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Trình duyệt, thẩm định và phê duyệt kết quả chỉ định thầu:

Việc áp dụng hình thức chỉ định thầu phải được phê duyệt trong kế hoạch đấu thầu trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 20 của Luật Đấu thầu và Điều 101 của Luật Xây dựng.

+ Trên cơ sở báo cáo kết quả chỉ định thầu, báo cáo thẩm định, người quyết định đầu tư phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt kết quả chỉ định thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn có giá gói thầu từ 500 triệu đồng trở lên, gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, gói thầu lựa chọn tổng thầu xây dựng (trừ gói thầu lựa chọn nhà thầu thiết kế) có giá gói thầu từ 1 tỷ đồng trở lên; Chủ đầu tư phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu dịch vụ tư vấn có giá gói thầu dưới 500 triệu đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp có giá gói thầu dưới 1 tỷ đồng đối với các gói thầu thuộc dự án quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 1 của Luật Đấu thầu;

+ Đối với gói thầu thực hiện chỉ định thầu thuộc dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 của Luật Đấu thầu, Chủ đầu tư trình báo cáo kết quả chỉ định thầu lên Thủ tướng Chính phủ (trường hợp Thủ tướng Chính phủ trực tiếp phê duyệt) hoặc lên người được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định 111/2006/NĐ-CP.

+ Đối với gói thầu tư vấn, xây lắp, mua sắm hàng hóa có giá gói thầu dưới 100 triệu đồng, cho phép chủ đầu tư thương thảo, quyết định chỉ định thầu và ký hợp đồng để triển khai thực hiện.

- Thời gian thẩm định đối với từng nội dung về kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu tối đa là 20 ngày.

8. Quản lý nhà nước về đấu thầu:

a) Định kỳ hàng tháng, quý, năm, chủ đầu tư và các đơn vị tổ chức thẩm định các bước trong quá trình tổ chức đấu thầu có báo cáo cụ thể về tình hình thực hiện gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giải quyết kiến nghị, báo cáo UBND tỉnh theo định kỳ để UBND tỉnh chỉ đạo điều hành.

c) UBND tỉnh tổng kết công tác đấu thầu hàng năm và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

9. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu:

Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu thực hiện theo Điều 47, 48, 49 Nghị định 111/2006/NĐ-CP. Quy trình giải quyết kiến nghị trong đấu thầu thực hiện theo Điều 72, 73 Luật Đấu thầu.

Điều 24. Quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và UBND các huyện, thành phố.

- Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND các huyện, thành phố có kế hoạch triển khai, hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

đồng thời lập kế hoạch kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về chất lượng công trình đối với các công trình xây dựng trên địa bàn.

- Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành hướng dẫn về nghiệp vụ, xử lý và kiến nghị xử lý các sự cố đối với các công trình xây dựng trên địa bàn; hướng dẫn hoạt động kiểm tra, chứng nhận chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng khi xảy ra sự cố có thể gây thảm họa theo quy định.

- Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND các huyện, thành phố, Chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm về chất lượng công trình xây dựng gửi Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

2. Chủ đầu tư.

- Chủ đầu tư là người chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp, toàn diện về chất lượng công trình xây dựng và hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng được giao làm chủ đầu tư. Việc quản lý chất lượng công trình xây dựng phải được thực hiện ngay từ khi khảo sát xây dựng, lập thiết kế, tổ chức thi công đến khi hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Để quản lý chất lượng thi công xây dựng, Chủ đầu tư thành lập ban quản lý dự án hoặc thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án. Chủ đầu tư tự tổ chức giám sát chất lượng thi công công trình hoặc giao cho tổ chức tư vấn quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công xây dựng công trình.

- Trường hợp xảy ra sự cố công trình, Chủ đầu tư (khi công trình đang thi công xây dựng), chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng (khi công trình đang sử dụng, vận hành, khai thác) phải lập báo cáo nhanh sự cố công trình xây dựng theo mẫu quy định trong thời hạn 24 giờ sau khi xảy ra sự cố, gửi đến Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng có trách nhiệm lập hồ sơ sự cố công trình theo quy định.

3. Nhà thầu thi công xây dựng, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế:

Nhà thầu thi công xây dựng, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế thực hiện nội dung quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình được quy định tại Điều 19, 20, 21, 22 của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

Điều 25. Bảo hành, bảo trì công trình xây dựng

Thực hiện theo Điều 29, 30, 31, 32, 33, 34 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Điều 26. Giám sát, đánh giá đầu tư

1. Giám sát, đánh giá đầu tư là hoạt động theo dõi, kiểm tra và xác định mức độ đạt được so với yêu cầu của quá trình đầu tư của tỉnh và của từng dự án đầu tư. Giám sát, đánh giá đầu tư bao gồm :

- Giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư của tỉnh;

- Giám sát, đánh giá từng dự án đầu tư.

2. Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án có nhiệm vụ giám sát, đánh giá dự án đầu tư do mình quản lý theo quy định. Định kỳ 3 tháng một lần tổng hợp báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan trực tiếp quản lý chủ đầu tư để theo dõi, giám sát, đánh giá, hỗ trợ quản lý dự án; kiến nghị các giải pháp khắc phục nhằm tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, phân tích, đánh giá và trình UBND tỉnh chỉ đạo, giải quyết; đồng thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định (6 tháng một lần). Nội dung báo cáo theo quy định hiện hành.

3. Các dự án đầu tư không thực hiện việc giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định thì không được phép điều chỉnh, bổ sung dự án.

4. Thực hiện công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước theo Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính.

Mục 4. QUẢN LÝ CHI PHÍ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 27. Thanh toán vốn đầu tư xây dựng công trình

1. Việc thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

2. Đơn giá khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng xây dựng:

a) Khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng xây dựng bao gồm:

- Khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc quy định đối với hợp đồng áp dụng phương thức giá hợp đồng trọn gói;

- Khối lượng công việc không có đơn giá hoặc khối lượng công việc có đơn giá nhưng phát sinh, bổ sung thêm khối lượng đối với hợp đồng áp dụng phương thức giá hợp đồng theo đơn giá cố định và giá điều chỉnh quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 21 Nghị định 99/CP.

b) Đối với khối lượng công việc phát sinh nhỏ hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng và đã có đơn giá trong hợp đồng thì sử dụng đơn giá đã ghi trong hợp đồng để thanh toán.

c) Đối với khối lượng công việc phát sinh lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng hoặc khối lượng công việc phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì Bên giao thầu và Bên nhận thầu thống nhất xác định theo các nguyên tắc quy định trong hợp đồng về đơn giá các khối lượng phát sinh.

d) Đối với công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc quy định của hợp đồng áp dụng phương thức giá hợp đồng trọn gói thì giá trị bổ sung sẽ được lập dự toán. Bên

giao thầu và Bên nhận thầu đàm phán, thống nhất ký hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh này.

đ) Chủ đầu tư được quyền phê duyệt đơn giá cho khối lượng công việc phát sinh, thanh toán khối lượng phát sinh và tự chịu trách nhiệm về việc phê duyệt, thanh toán này. Đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư trước khi phê duyệt đơn giá các công việc phát sinh và thanh toán khối lượng phát sinh.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai và đôn đốc việc thi công đúng tiến độ theo hợp đồng được ký kết và tổ chức nghiệm thu khối lượng theo từng giai đoạn hoàn thành, đồng thời gửi hồ sơ đến cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn để thanh toán kịp thời, tránh tình trạng thanh toán dồn ẹp vào cuối năm;

4. Vốn thực hiện đầu tư của các dự án phân bổ hàng năm được sử dụng để thanh toán khối lượng theo dự toán chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vốn chuẩn bị đầu tư có thể thanh toán cho giai đoạn chuẩn bị xây dựng.

Điều 28. Quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình theo hướng dẫn của Bộ Tài chính ngay sau khi công trình hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng.

2. Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện cho đầu tư xây dựng công trình và đưa công trình vào khai thác sử dụng. Chi phí hợp pháp là chi phí được thực hiện trong phạm vi thiết kế, dự toán đã được phê duyệt kể cả phần điều chỉnh, bổ sung hoặc là chi phí được thực hiện đúng với hợp đồng đã ký kết, phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước thì vốn đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tuỳ theo quy mô, tính chất và thời hạn xây dựng công trình, chủ đầu tư thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng cho từng hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình ngay sau khi hạng mục công trình, công trình hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng.

3. Người quyết định đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

4. Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư sử dụng đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý (đối với cấp tỉnh là Sở Tài chính, đối với cấp huyện, thành phố là Phòng Tài chính - Kế hoạch) để trực tiếp thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành hoặc thẩm tra lại đối với các dự án thuê kiểm toán vốn đầu tư trước khi phê duyệt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Tất cả các dự án nhóm A, dự án nhóm B sử dụng vốn nhà nước khi hoàn thành đều phải kiểm toán quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán; các dự án còn lại thực hiện kiểm toán quyết toán theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

5. Thời gian lập, thẩm tra, phê duyệt hồ sơ quyết toán:

Thời gian lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được tính từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng; Thời gian kiểm toán tính từ ngày hợp đồng kiểm toán có hiệu lực; thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán tính từ ngày nhận đủ hồ sơ quyết toán. Thời gian tối đa quy định cụ thể như sau:

Dự án	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C	BCKT KTXD
Thời gian lập BCQT	12 tháng	9 tháng	6 tháng	3 tháng
Thời gian kiểm toán	8 tháng	6 tháng	4 tháng	
Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán	7 tháng	5 tháng	4 tháng	3 tháng

6. Chủ tịch UBND tỉnh uỷ quyền cho Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng thuộc tỉnh quản lý.

7. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền được phân cấp hoặc uỷ quyền quyết định đầu tư và các dự án thuộc UBND huyện, thành phố quản lý được đầu tư trước đây do UBND tỉnh phê duyệt với mức vốn tương ứng với mức vốn được phân cấp, uỷ quyền theo Điều 14 Bản quy định này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Công tác báo cáo, trực báo

1. Các Sở, Ban ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố; Kho bạc Nhà nước và các chủ đầu tư thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm gửi UBND tỉnh; đồng thời gửi cho các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và Kho bạc Nhà nước tỉnh.

2. Thực hiện chế độ giao ban về quản lý đầu tư xây dựng công trình định kỳ hàng quý do UBND tỉnh chủ trì; ngoài ra tùy tình hình thực tế việc triển khai các dự án đầu tư do tỉnh quản lý, UBND tỉnh còn tổ chức giao ban XDCB đột xuất. UBND các huyện, thành phố, Sở, ngành tổ chức giao ban XDCB hàng tháng đối với những công trình do đơn vị mình quản lý.

Điều 30. Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo và kiểm tra chặt chẽ các đơn vị trực thuộc, các chủ đầu tư trong việc tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả và bảo đảm mục tiêu kế hoạch đã giao.

Điều 31. Xử lý chuyển tiếp

1. Các dự án đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt trước ngày Bản quy

định này có hiệu lực nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc đang thực hiện dở dang thì không phải làm thủ tục phê duyệt lại dự án, các công việc tiếp theo được thực hiện theo Bản quy định này.

2. Các dự án đầu tư xây dựng công trình chưa được phê duyệt thì thực hiện theo quy định tại Bản quy định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Đối với các dự án được bố trí kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư trong năm 2008, chậm nhất đến ngày 30/6/2008 cơ quan đầu mối được giao kế hoạch phải hoàn tất thủ tục đầu tư theo Quyết định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa phù hợp thì các Sở, ngành, cơ quan, địa phương kiến nghị với UBND tỉnh để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế